TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2020
V/v ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Síu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị V T H S, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 59 Đ D T, thôn 1, xã T S, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Anh N M C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 59 Đ D T, thôn 1, xã T S, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nhận ngày 18-5-2020, bản tự khai ngày 21-5-2020, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn chị V T H S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N M C qua tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T S, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 2014. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây, chị và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và anh C tính cách

không hợp nhau, anh C không chung thủy với chị. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài và thực sự trầm trọng, chị không còn yêu thương anh C, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù đã được Tòa án phân tích, hòa giải động viên nhưng chị thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N M C.

Về con chung: Chị và anh N M C có hai con chung là cháu N D K, sinh ngày 02/02/2012 và N H H, sinh ngày 29/01/2017. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hết hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị và anh N M C tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Đối với bị đơn anh N M C trình bày:

Anh N M C thống nhất như lời trình bày của chị V T H S về hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, về con chung. Trong quá trình chung sống với nhau, anh C thừa nhận hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị S nghi ngờ anh không chung thủy nên vợ chồng có bất đồng quan điểm, chị S bỏ về nhà cha mẹ ruột được một thời gian, thực tế anh không có quan hệ ngoại tình với người khác như chị S nói. Anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị S, đồng thời không muốn ly hôn để các con phải thiếu tình cảm của cha mẹ. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn với chị V T H S.

Về con chung: Anh và chị V T H S có hai con chung là cháu N D K, sinh ngày 02/02/2012 và N H H, sinh ngày 29/01/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hết hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh và chị V T H S tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp ly hôn anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chị V và anh N M C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị V T H S và anh N M C phát sinh mâu thuẫn, nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị V T H S để quyết định cho chị V T H S được ly hôn với anh N M C; giao chị V T H S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung

là N D K, giao anh N M C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là N H H; buộc chị V T H S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết*:

Chị V T H S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh N M C theo quy định của pháp luật.

Đơn khởi kiện của chị V T H S được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Anh N M C cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Về hôn nhân: Chị V T H S và anh N M C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T S, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 26 tháng 3 năm 2014. Vì vậy, hôn nhân giữa chị S và anh C là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị V T H S thì thấy, yêu cầu ly hôn của chị S không được anh N M C đồng ý. Theo chị V T H S khai thì trong quá trình chung sống với nhau, giữa chị và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, giữa chị và anh C tính cách không hợp nhau, anh C không chung thủy với chị, việc anh C không chung thủy với chị thì chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, nhưng chị cho rằng tình cảm chị đối với anh C đã hết. Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị S và anh C là do tính cách vợ chồng không hợp, chị cho rằng anh C không chung thủy với chị và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau. Khi mâu thuẫn bất đồng quan điểm xảy ra, chị S không tin tưởng anh C về tình cảm, không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng chị S không đồng ý đoàn tụ nên hòa giải đoàn tụ không thành. Đến nay chị V T H S khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh N M C nữa nên chị vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N M C.

Từ những nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị đã làm cho tình trạng hôn nhân giữa chị V T H S và anh N M C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị V T H S và anh N M C có hai con chung là cháu N D K, sinh ngày 02/02/2012 và N H H, sinh ngày 29/01/2017. Ly hôn chị S và anh C đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi hết hai con chung.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của chị S và anh C đều chính đáng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên thì cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị S sau khi Cha, Mẹ cháu ly hôn; đồng thời cháu H hiện đã đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử giao cho chị S được quyền trực tiếp nuôi cháu K, anh C được quyền trực tiếp nuôi cháu H là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V T H S và anh N M C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị V T H S và anh N M C không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] *Về án phí:* Chị V T H S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144, Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V T H S.

Chị V T H S được ly hôn với anh N M C.

Về con chung: Giao con chung là cháu N D K, sinh ngày 02-2-2012 cho chị V T H S, giao con chung là cháu N H H, sinh ngày 29-01-2017 cho anh N M C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Thời gian giao nuôi con từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

2. Về án phí: Chị V T H S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005014 ngày 21-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp P
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã T S, TP P, Tỉnh Gia Lai(Giấy CNKH số 16/2018 ngày 07-5-2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Kiên **Doãn Thị Lệ** **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành

2. Bà Doãn Thị Lệ

Căn cứ Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử tiến hành thảo luận về việc xét xử, hoãn phiên tòa đối với vụ án dân sự thụ lý số 430/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Trình Mỹ Duyên, sinh ngày 27-8-1993
Địa chỉ: 65 Lê Lợi, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Anh Lê Văn Quang, sinh ngày 07-9-1996
Địa chỉ: 66/6 Lý Chính Thắng, tổ 3, phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho các đương sự trong vụ án đến tham gia tố tụng tại phiên tòa công khai vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2019.

Tuy nhiên đến lúc này đã 14 giờ 00 phút ngày 04-9-2019, bị đơn anh Lê Văn Quang vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, cần phải hoãn phiên tòa.

Ý kiến hội thẩm thứ hai và chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

Hội đồng xét xử biểu quyết nhất trí hoãn phiên tòa, kết quả biểu quyết: 3/3.

Việc thảo luận kết thúc hồi 14 giờ 10 phút ngày 04 tháng 9 năm 2019. Đã lập thành biên bản và các thành viên Hội đồng xét xử thống nhất ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- UBND xã Biển Hồ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nhàn